

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT Trường THCS Bắc Hà Năm học 2022-2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS BẮC HÀ

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGD&ĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Xét đề nghị của Tổ Văn phòng trường THCS Bắc Hà

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công khai trong nhà trường của Trường THCS Bắc Hà.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành. Những quy định trước đây trái với Quyết định này điều bị bãi bỏ.

Điều 3. Tổ trưởng tổ Văn phòng, các tổ trưởng Chuyên môn, toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh Trường THCS Bắc Hà có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng GDĐT;
- Website;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thủy

QUY CHẾ

Thực hiện công khai trong nhà trường

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ- THCSBH ngày tháng năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường THCS Bắc Hà)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng: Quy chế này quy định về thực hiện công khai đối với trường THCS Bắc Hà.

Điều 2. Mục tiêu thực hiện công khai

1. Thực hiện công khai cam kết của Nhà trường về chất lượng giáo dục và công khai về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của Nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá Nhà trường theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện công khai của Nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công khai

1. Việc thực hiện công khai của các cơ sở giáo dục phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định trong Quy chế này.
2. Thông tin được công khai tại Nhà trường và trên các trang thông tin điện tử theo quy định trong Quy chế này phải chính xác, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

CHƯƠNG II

THỰC HIỆN CÔNG KHAI ĐỐI VỚI NHÀ TRƯỜNG

Điều 4. Nội dung công khai

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục: Điều kiện và đối tượng tuyển sinh; chương trình giáo dục nhà trường đang thực hiện; yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường; kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Biểu mẫu 09).

b) Chất lượng giáo dục thực tế: số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng kết kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, dự xét tốt nghiệp, được công nhận tốt nghiệp, thi đỗ vào THPT, học sinh nam/học sinh nữ (theo Biểu mẫu 10).

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng của Nhà trường:

a) Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định (Biểu mẫu 11).

b. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Biểu mẫu 12).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

a) Tình hình tài chính

Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

b) Học phí và các khoản thu khác từ người học

Mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

c) Các khoản chi theo từng năm học

Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm

Về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

đ) Kết quả kiểm toán (nếu có)

Thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Điều 5. Hình thức và thời điểm công khai

1. Đối với các nội dung quy định tại Điều 4 của Quy chế này:

a) Đối với công tác tuyển sinh

Nhà trường thông báo kế hoạch, chỉ tiêu, điều kiện, hồ sơ tuyển sinh lớp 6 thông báo bằng văn bản đến các trường TH trên địa bàn tuyển sinh của trường và niêm yết tại bảng tin Nhà trường trước ngày thực hiện quy trình tuyển sinh 05 ngày. Đăng tải trên Websie nhà trường.

b) Đối với cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

Công khai tại Bảng tin của Nhà trường, trên trang thông tin điện tử của Nhà trường vào tháng 6 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

Niêm yết công khai tại cơ sở giáo dục đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét. Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

Thông báo trong các cuộc họp Cha mẹ học sinh, họp Hội đồng sư phạm Nhà trường. Bất cứ lúc nào khi cơ sở giáo dục hoạt động, cha mẹ học sinh và những người quan tâm đều có thể tiếp cận các thông tin trên. Để chuẩn bị cho năm học mới, cơ sở giáo dục có thể cung cấp thêm các thông tin liên quan khác để cha mẹ học sinh nắm rõ và phối hợp thực hiện.

c) Đối với điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

Thông báo trong cuộc họp Hội Đồng sư phạm, Họp Hội Cha mẹ học sinh, Niêm yết tại Bảng tin Nhà trường đầu năm học và trên trang thông tin điện tử của Nhà trường (T9).

2. Tình hình tài chính Nhà trường

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm Hiệu trưởng nhà trường

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

2. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho Phòng Giáo dục và Đào tạo trước 30 tháng 9 hàng năm.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của Ban Thanh tra nhân dân, Phòng, Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan quản lý cấp trên.

4. Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của Ban Thanh tra nhân dân và các cơ quan quản lý cấp trên bằng các hình thức sau đây:

a) Công bố công khai trong cuộc họp Hội đồng sư phạm.

b) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại Bảng tin nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh xem xét.

c) Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Trên đây là Quy chế công khai của trường THCS Bắc Hà./.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thủy

DANH MỤC

Biểu mẫu 09

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp: UBND quận Kiến An

Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Bắc Hà

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
1	Điều kiện tuyển sinh	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
2	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	THCS Cơ bản và nâng cao	THCS Cơ bản và nâng cao	THCS Cơ bản và nâng cao	THCS Cơ bản và nâng cao
3	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Thường xuyên tích cực	Thường xuyên tích cực	Thường xuyên tích cực	Thường xuyên tích cực
4	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
5	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
6	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thủy

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp: UBND quận Kiến An.
 Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Bắc Hà

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
 và trường trung học phổ thông, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	614	145	133	175	161
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	588 (95,77%)	134 (99,26%)	165 (96,49%)	158 (98,14%)	147 (97,35%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	26 (4,23%)	1 (0,74%)	6 (3,51%)	3 (1,86%)	3 (1,99%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0,16%)	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	618	135	171	161	151
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	197 (31,88%)	45 (33,33%)	43 (25,15%)	55 (34,16%)	54 (35,76%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	304 (49,19%)	54 (40%)	94 (54,97%)	83 (51,55%)	73 (48,34%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	108 (17,48%)	31 (22,96%)	32 (18,71%)	22 (13,66%)	23 (15,23%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	9 (1,46%)	5 (3,7%)	2 (1,17%)	1 (0,62%)	1 (0,66%)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	618	135	171	161	151
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	615 (99,51%)	135 (100%)	170 (99,42%)	160 (99,38%)	150 (99,34%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	197 (31,88%)	45 (33,33%)	43 (25,15%)	55 (34,16%)	54 (35,76%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	304 (49,19%)	54 (40%)	94 (54,97%)	83 (51,55%)	73 (48,34%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	3 (0,49%)	0	1 (0,58%)	1 (0,62%)	1 (0,66%)
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	6/13	0/3	3/7	2/2	1/1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	9	1	1	4	3
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp quận					
2	Cấp tỉnh/thành phố					
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	151/618				151
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	150				150
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	54 (36%)				54 (36%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	73 (48,67%)				73 (48,67%)
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	23 (15,33%)				23 (15,33%)
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	332/286	79/56	85/86	96/65	72/79
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thủy

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp: UBND quận Kiến An.

Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Bắc Hà

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	11	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	11	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	15	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	16/11	-
8	Bình quân học sinh/lớp	38/16	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)		
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)		
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)		
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)		
3	Diện tích thư viện (m ²)		
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	01	
1.2	Khối lớp 7	02	
1.3	Khối lớp 8	02	
1.4	Khối lớp 9	02	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	01	
2.2	Khối lớp 7	0	

2.3	Khôi lớp 8	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	11	
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	11 bộ	01 bộ
5	Thiết bị khác...	02	
6	Máy tính phục vụ giảng dạy và quản lý	2	

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02				
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0				

(*Theo Thông tư số [12/2011/TT-BGDĐT](#) ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số [27/2011/TT-BYT](#) ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thủy

Biểu mẫu 12

2	Phó hiệu trưởng	1													
III	Nhân viên	2													
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1													
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên thư viện	1													
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
8	Nhân viên công nghệ thông tin														
9	...														

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thủy